

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/DS-ST
Ngày: 02-10-2017
V/v: “T/c tiền hụi, tiền vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học.
2. Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Từ ngày 28 tháng 9 đến ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp tiền hụi và tiền vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồng T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1973 (ông H, bà H có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Hồng D, sinh năm 1984 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3.2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1953 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã N, huyện Đ, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Bà Huỳnh Hồng T trình bày:**

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng ông H, bà H thanh toán tổng số tiền hội chết, tiền vay là 1.220.000.000 đồng, cụ thể:

- Hội tháng (bà H tham gia 05 chung trong 03 dây hội):

1/ Dây thứ nhất: Hội khai ngày 15/8/2014 âm lịch, có 46 chung, hội 2.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần vào ngày 15 âm lịch. Hội mãn tháng 3/2018 âm lịch. Bà H vô 01 chung, hót ở kỳ thứ 03 được 42.700.000 đồng. Tính đến mãn hội bà H nợ lại 15 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 30.000.000 đồng.

2/ Dây thứ hai: Hội khai ngày 10/9/2016 âm lịch, có 31 chung, hội 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 10 âm lịch. Dây hội này đến ngày 10/02/2019 âm lịch mãn.

Bà H vô 01 chung hót ở kỳ thứ 02 được 89.100.000 đồng. Sau khi hót phải đóng lại 29 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ = 145.000.000 đồng. Từ sau khi hót hội bà H chỉ đóng được 04 kỳ = 20.000.000 đồng (nhưng thực tế không đưa tiền mặt đóng mà bà H viết giấy nhận nợ 20.000.000 đồng hội chết);

Chung hội này tính đến mãn hội nợ lại 25 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ = 125.000.000 đồng.

3/ Dây hội thứ ba: Hội khai ngày 05/01/2015, có 48 chung, hội 2.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần vào ngày 05 âm lịch. Dây hội này đến ngày 05/11/2018 âm lịch mãn.

Bà H vô 03 chung và hót hết 03 chung.

Hót hội lần thứ nhất: Hót kỳ khai hội thứ nhất được 42.300.000 đồng (hót ngày 30 tết năm 2014 âm lịch, lý do ngày 05 mới khai do tết nên khai ngày 30).

Hốt hội lần thứ hai: Hốt ở kỳ khai hội thứ hai được 43.400.000 đồng (hốt ngày 05/02/2015 âm lịch).

Hốt lần thứ ba: Hốt ở kỳ khai hội thứ tư được 44.100.000 đồng (hốt ngày 15/4/2015 âm lịch).

Sau khi hốt 03 chung hội thì bà H đóng hội chết cho cả 03 chung được 26 lần, tính đến mãn hội nợ lại hội chết của mỗi chung là 22 kỳ x 03 chung x 2.000.000 đồng/kỳ = 132.000.0000 đồng.

Tổng số tiền hội tháng bà H nợ hội chết tính đến mãn hội là 30.000.000 đồng + 125.000.000 đồng + 132.000.000 đồng = **287.000.000 đồng**.

- Hội ngày:

1/ Dây thứ nhất: Hội khai ngày 10/12/2016 âm lịch; khai 07 dây hội, mỗi dây 1000 chung, 100 ngày mãn hội, loại hội 20.000 đồng. Dây hội này mãn ngày 20/3/2017 âm lịch.

Bà H vô 07 dây và hốt hết 07 dây hội x 1000 chung x 15.000 đồng/ chung = 105.000.000 đồng. Sau khi hốt thì bà H đóng được 35 ngày x 1.400.000 đồng/ngày (vì 07 dây hội mỗi dây đóng hội chết 200.000 đồng) = 49.000.000 đồng.

Tính đến mãn hội nợ 65 ngày x 1.400.000 đồng/ngày/07 dây hội = 91.000.000 đồng.

2/ Dây thứ hai: Hội khai ngày 25/11/2016 âm lịch, loại hội 20.000 đồng, khai 08 dây, mỗi dây có 1000 chung, 100 ngày mãn hội. Dây hội này mãn ngày 05/3/2017 âm lịch.

Bà H tham gia 08 dây và hốt hết: 08 dây x 1000 chung/dây x 15.000 đồng/chung = 120.000.000 đồng.

Sau khi hốt hội đã đóng hội chết được 50 ngày x 1.600.000 đồng/ngày/08 dây hội = 80.000.000 đồng.

Bà H còn nợ hội chết 50 ngày x 1.600.000 đồng/ngày/08 dây hội = 80.000.000 đồng.

3/ Dây thứ ba: Hội khai ngày 15/01/2017, khai 13 dây hội, mỗi dây hội có 1000 chung, loại hội 20.000 đồng. Hội mãn vào ngày 25/5/2017 âm lịch.

Bà H vô 13 dây, mỗi dây 1000 chung, bỏ hụi 5000 đồng. Bà H hốt với tổng số hụi là $13 \text{ dây} \times 1000 \text{ chung/dây} \times 15.000 \text{ đồng/chung} = 195.000.000 \text{ đồng}$.

Sau khi hốt hụi bà H không đóng 01 chung hụi chết nào cả, nên bà H nợ lại số tiền hụi chết: $13 \text{ dây} \times 1000 \text{ chung/dây} \times 20.000 \text{ đồng/chung} = 260.000.000 \text{ đồng}$.

Tất cả các dây hụi ngày đã mãn, bà H nợ tổng số tiền $91.000.000 \text{ đồng} + 80.000.000 \text{ đồng} + 260.000.000 \text{ đồng} = \mathbf{431.000.000 \text{ đồng}}$.

- Ngoài ra, bà H còn nợ bà T ba khoản tiền hụi chết với số tiền 51.000.000 đồng (đây là khoản tiền hụi bà H đóng hụi chết không đầy đủ), cụ thể:

1/ Bà H nợ số tiền hụi 17.000.000, sở dĩ còn lại 17.000.000 đồng này là trong quá trình đóng hụi chết đã đóng ở các chung hụi trên thì sau khi tính toán lại bà H còn nợ lại 17.000.000 đồng.

2/ Nợ 24.000.000 đồng hụi chết nằm trong 08 dây hụi ngày khai ngày 20/10/2016 âm lịch, lý do nợ là vì trong quá trình đóng hụi chết của các dây hụi trên thì bà H không có tiền đóng nên nợ 24.000.000 đồng.

3/ Hụi tháng còn nợ lại 10.000.000 đồng hụi chết chưa đóng của tháng 02/2017 âm lịch.

Tổng số tiền hụi tháng là $287.000.000 \text{ đồng} + \text{hụi ngày} \text{ là } 431.000.000 \text{ đồng} + \text{đóng hụi chết của hụi tháng và hụi ngày còn nợ} \text{ là } 51.000.000 \text{ đồng} = 769.000.000 \text{ đồng}$.

- **Tiền vay:** Nợ bà T tiền vốn vay **365.000.000 đồng**, cụ thể:

1/ Ngày 10/3/2016 âm lịch vay vốn 55.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 06%/tháng, đóng lãi được 04 tháng (đóng đến ngày 10/7/2016 âm lịch).

Đã đóng lãi: $04 \text{ tháng} \times 3.300.000 \text{ đồng/tháng} = 13.200.000 \text{ đồng}$.

2/ Ngày 10/4/2016 âm lịch vay vốn 40.000.000 đồng, đóng lãi được 03 tháng (đóng đến ngày 10/7/2016 âm lịch).

Đã đóng lãi: $03 \text{ tháng} \times 2.400.000 \text{ đồng/tháng} = 7.200.000 \text{ đồng}$

3/ Ngày 12/6/2016 âm lịch vay vốn 100.000.000 đồng, đóng lãi 01 tháng (đóng đến ngày 12/7/2016 âm lịch).

Đã đóng lãi: 01 tháng là 6.000.000 đồng.

4/ Ngày 30/7/2016 âm lịch vay vốn 80.000.000 đồng. Từ khi vay chưa đóng lãi.

5/ Tháng 11/2016 âm lịch bà T vay giùm cho bà H 90.000.000 đồng, đến tháng 02/2017 mới làm giấy nhận nợ, số tiền này bà T vay từ anh S (cùng xóm với bà T) giùm cho bà H, bà H cũng biết việc bà T vay tiền từ anh S (hiện tại bà T đã trả đủ 90.000.000 đồng cho anh S). Bà H chưa có đóng khoản lãi nào cho bà T.

Tổng số tiền lãi đã đóng đến thời điểm này là 13.200.000 đồng + 7.200.000 đồng + 6.000.000 đồng = 26.400.000 đồng.

Như vậy, bà H nợ tổng các khoản tiền sau: Hụi tháng 287.000.000 đồng + Hụi ngày 431.000.000 đồng + 51.000.000 đồng hụi chết chưa đóng của hụi tháng, hụi ngày + Tiền vay vốn 365.000.000 đồng = 1.134.000.000 đồng.

Đơn khởi kiện bà T yêu cầu số tiền 1.220.000.000 đồng, chênh lệch 86.000.000 đồng, đây là tiền lãi mà bà T phải đóng thay cho bà H những tháng qua mỗi tháng gần 21.900.000 đồng/tháng x 04 tháng (từ tháng 11/2016 âm lịch đến hết tháng 03/2017 âm lịch = 04 tháng).

Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông H bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ số tiền 1.220.000.000 đồng. Do bà H không thừa nhận một số khoản nợ nên bà T không yêu cầu khoản tiền không có chứng từ bà H không thừa nhận là 145.000.000 đồng. Vì vậy, bà T yêu cầu thanh toán tổng số tiền **1.075.000.000 đồng.**

Bà T yêu cầu vợ chồng bà H, ông H cùng có trách nhiệm toán tiền cho bà T vì bà H vô hụi, vay tiền để chi phí cho gia đình, ông H biết việc bà H thiếu nợ vì có lần ông H trực tiếp đóng hụi, sau khi sự việc xảy ra phía bà T có gặp ông H thì ông H hứa sẽ bán tài sản trả cho bà T nhưng sau đó ông H không thực hiện như lời hứa.

*** Tại văn bản ngày 20/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - Bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:**

- **Về hụi tháng:** Bà H thừa nhận có tham gia hụi tháng như bà T trình bày ở trên là đúng. Về số dây hụi, số chung hụi, ngày khai hụi, số tiền hốt hụi là đúng như lời khai của bà T. Nhưng tính đến khi mãn hết các chung hụi thì bà H

nợ bà T tổng số tiền của 05 chung hội trong 03 dây hội tháng là 279.000.000 đồng (bà T khai là bà H nợ 287.000.000 đồng hội tháng là không đúng mà chỉ nợ 279.000.000 đồng).

- **Về hội ngày:** Bà H thừa nhận bà T khai như trên là đúng toàn bộ về hội ngày mà H tham gia. Đúng về số chung hội, số tiền hót hội, số tiền phải đóng hội chết là 431.000.000 đồng. Nhưng theo lời khai bà H tất cả các dây hội ngày bà H đã đóng hội chết đầy đủ, đến nay bà H không còn nợ tiền hội ngày của bà T.

- **Đối với khoản tiền 51.000.000 đồng:** Bà H không có nợ bà T, vì bà H đã đóng hội đủ cho bà T.

- **Tiền vay:** Bà H thừa nhận các khoản vay vốn như bà T khai là đúng, cụ thể bà H thừa nhận có nợ các khoản:

1/ Ngày 10/3/2016 âm lịch vay 55.000.000 đồng (nguyên bà H nợ bà T vốn và lãi là 260.000.000 đồng, bà H trả được 205.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng trong đó có vốn và lãi).

2/ Ngày 10/4/2016 âm lịch vay vốn 40.000.000 đồng

3/ Ngày 12/6/2016 âm lịch vay vốn 100.000.000 đồng.

4/ Ngày 30/7/2016 âm lịch vay vốn 80.000.000 đồng.

Tất cả các khoản vay trên lãi suất 12%/tháng, bà H đóng lãi đầy đủ từ khi vay cho đến tháng 02/2017 âm lịch.

Đối với khoản tiền 90.000.000 đồng, đây là khoản tiền lãi cộng dồn chứ không phải tiền vốn vay, bà H có viết giấy nợ số tiền 90.000.000 đồng.

Bà H chỉ đồng ý thanh toán cho bà T khoản tiền vay tổng cộng 275.000.000 đồng. Riêng khoản 90.000.000 đồng không đồng ý trả.

Như vậy, bà H đồng ý thanh toán cho bà T các khoản nợ: Hội tháng 279.000.000 đồng + tiền vay 275.000.000 đồng = 554.000.000 đồng.

Trách nhiệm thanh toán nợ cho bà T do bà H chịu trách nhiệm thanh toán, không liên quan đến ông H.

*** Tại văn bản ngày 12/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – Ông Phạm Ngọc H trình bày:**

Bà T khởi kiện đối với ông H là không đúng vì ông H không biết bà H giao dịch với bà T. Ông H không có đóng hui cho bà T lần nào cả, ông H cũng không hứa hẹn trả nợ cho bà T. Chỉ có một lần bà T đến nhà gặp ông H nói về việc nợ, ông H yêu cầu bà T viết giấy đối với các khoản nợ của bà H và phải ghi rõ tiền lãi 12% thì ông H mới đồng ý trả nợ, do bà T không chịu viết giấy.

Nay bà T yêu cầu ông H cùng có trách nhiệm trả nợ, ông H không đồng ý.

*** Tại bản tự khai ngày 07/8/2017 và các chứng cứ khác, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Huỳnh Hồng D trình bày:**

Bà D làm chủ hui, các dây hui tháng, hui ngày mà bà H tham gia đều do bà T chịu trách nhiệm hốt hui sau đó giao tiền cho bà H, bà H đóng hui cho bà T để bà T giao lại cho bà D.

Tóm lại, bà D chỉ biết bà T giao dịch với bà H, phía bà D không liên quan đến bà H. Đối với bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hui chết cho bà D.

Tranh chấp giữa bà T với vợ chồng bà H không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà D, nên bà D không có đặt ra yêu cầu nào.

Do bận công việc gia đình và điều kiện đi lại khó khăn nên bà D xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

*** Tại bản tự khai ngày 07/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Huỳnh Văn T trình bày:**

Việc tranh chấp giữa T và vợ chồng ông H bà H không có liên quan đến ông T.

Ông T xin được từ chối tham gia tố tụng và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án về vụ án này.

Xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, kể cả hòa giải, đối thoại và xét xử.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên kết luận: Về phần thủ tục tố tụng chấp hành đúng pháp luật; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T.

- Bà T bảo lưu toàn bộ ý kiến và yêu cầu như trên. Tại đơn khởi kiện yêu cầu 1.220.000.000 đồng, tại phiên tòa bà T rút lại khoản tiền mà bà H không nhận nợ. Yêu cầu vợ chồng ông H, bà H thanh toán tổng số tiền hui tháng, hui ngày và tiền vay bằng 1.075.000.000 đồng.

- Bà H cũng bảo lưu ý kiến như trên, chỉ đồng ý thanh toán cho bà T tổng số tiền là 554.000.000 đồng (tiền hui tháng 279.000.000 đồng + tiền vay 275.000.000 đồng).

Ông H không đồng ý yêu cầu của bà T về việc thanh toán nợ vì bà H giao dịch hui, vay ông H không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Hồng D và ông Huỳnh Văn T có yêu cầu vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt phiên tòa xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà D và ông T.

2. Về quan hệ pháp luật: “Tranh chấp tiền hui, tiền vay”.

3. Áp dụng pháp luật: Thời điểm các bên đương sự bắt đầu giao dịch từ cuối năm 2014 và đến tháng 02/2017 vẫn tiếp tục thực hiện giao dịch, thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Như vậy, áp dụng pháp luật theo Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp trong vụ án theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về nội dung

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng bà H, ông H thanh toán tổng số tiền là 1.220.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền 1.075.000.000 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồng T yêu cầu vợ chồng ông H, bà H thanh toán tổng số tiền hui tháng, hui ngày và tiền vay là **1.075.000.000 đồng**. Trong đó tiền hui tháng là 279.000.000 đồng, tiền hui ngày là 431.000.000 đồng và tiền vay vốn 365.000.000 đồng.

Bà H thừa nhận các khoản tiền như bà T khai là đúng sự thật, nhưng bà H chỉ đồng ý thanh toán tiền hui tháng 279.000.000 đồng; đồng ý thanh toán tiền

vay 275.000.000 đồng, riêng khoản 90.000.000 đồng là tiền lãi nên không đồng ý; tiền hụi ngày 431.000.000 đồng bà H đóng đủ vì hụi đã mãn.

Ông H không đồng ý yêu cầu thanh toán nợ của bà T vì không liên quan đến ông H.

Qua ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xem xét các khoản tiền giao dịch giữa các đương sự:

Tiền hụi tháng: Đối với hụi tháng, bà H tham gia 05 chung trong 03 dây hụi, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hụi khai ngày 15/8/2014 âm lịch, có 46 chung, hụi 2.000.000 đồng. Tính đến mãn hụi bà H nợ 15 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = **30.000.000 đồng.**

- Dây thứ hai: Hụi khai ngày 10/9/2016 âm lịch, có 31 chung, hụi 5.000.000 đồng. Tính đến mãn hụi bà H nợ 25 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ = **125.000.000 đồng.**

- Dây hụi thứ ba: Hụi khai ngày 05/01/2015, có 48 chung, hụi 2.000.000 đồng. Bà H vô 03 chung và hốt hết 03 chung. Tính đến mãn hụi bà H nợ hụi chết của mỗi chung là 22 kỳ x 03 chung x 2.000.000 đồng/kỳ = **132.000.0000 đồng.**

Tổng số hụi tháng bà H nợ là 30.000.000 đồng + 125.000.000 đồng + 132.000.000 đồng = 287.000.000 đồng.

Bà H thừa nhận có tham gia hụi, hốt hụi và nợ tiền hụi chết như bà T khai là đúng, nhưng số tiền hụi chết là 279.000.000 (ít hơn bà T khai là 8.000.000 đồng) và đồng ý trả cho bà T. Bà T cũng đồng ý với lời khai của bà H về số tiền còn nợ là 279.000.000 đồng.

Qua xem xét chứng cứ thể hiện các dây hụi bà H tham gia thì chủ hụi vẫn khai và chung đầy đủ tiền hụi cho các hụi viên khác chứ hụi không có bãi hay đình hụi, việc bà H hốt nhưng không đóng hụi chết nên bà T phải xuất ra một khoản tiền lớn để đóng hụi thay bà H đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, do vậy bà H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi chết cho bà T là đúng với thỏa thuận về hụi giữa các bên và không trái pháp luật. Bà H thừa nhận và đồng ý thanh toán cho bà T số tiền hụi chết (hụi tháng) là 279.000.000 đồng, bà T

đồng ý nên chấp nhận về thỏa thuận giữa hai bên. Buộc bà H thanh toán cho bà T tiền hui tháng 279.000.000 đồng.

Tiền vốn vay:

Bà T yêu cầu bà H thanh toán các khoản vốn vay với tổng số tiền 365.000.000 đồng, gồm các khoản: Ngày 10/3/2016 âm lịch vay 55.000.000 đồng; ngày 10/4/2016 âm lịch vay 40.000.000 đồng; ngày 12/6/2016 âm lịch vay 100.000.000 đồng; ngày 30/7/2016 âm lịch vay 80.000.000 đồng và tháng 11/2016 âm lịch vay vốn 90.000.000 đồng, đến tháng 02/2017 mới làm giấy nhận nợ.

Bà H đồng ý thanh toán bốn khoản vay 275.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 90.000.000 đồng bà H thừa nhận có ký giấy nợ nhưng không đồng ý trả vì đây là tiền lãi từ các khoản vay trên.

Lời trình bày của bà H hội đồng xét xử không thể chấp nhận, bởi lẽ: Tất cả các khoản tiền nêu trên bà H đều thừa nhận có viết giấy nhận nợ và các giấy nhận nợ được thể hiện tại các bút lục từ số 20 – 24 do bà H tự viết thể hiện nội dung mượn tiền của bà T. Mặt khác, tại phiên tòa bà H khai có nghe bà T nói là đã đóng lãi cho chủ nợ 90.000.000 đồng nên bà T yêu cầu bà H phải trả lại khoản tiền này cho bà T và bà H đồng ý trả nên bà H viết giấy nợ. Qua đó cho thấy khoản tiền 90.000.000 đồng bà H biết và đồng ý viết giấy nợ cho bà T.

Như vậy, có căn cứ để xác định bà H nợ bà T tiền vốn là 365.000.000 đồng, buộc phải thanh toán.

Tiền lãi suất: Phía bà H khai tiền lãi đã đóng cho T là 12%/tháng, đã đóng thời gian dài nhưng không xác định cụ thể thời gian bao lâu. Bà T khai lãi thỏa thuận 6%/tháng. Đối với tất cả các khoản vay trên bà H đã đóng lãi: Khoản vay 55.000.000 đồng đóng lãi được 04 tháng 13.200.000 đồng (đóng đến ngày 10/7/2016 âm lịch), khoản vay 40.000.000 đồng đóng lãi được 03 tháng là 7.200.000 đồng (đóng đến ngày 10/7/2016 âm lịch); khoản vay 100.000.000 đồng đóng lãi 01 tháng là 6.000.000 đồng (đóng đến ngày 12/7/2016 âm lịch). Bà H khai đã đóng lãi 12%/tháng nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, phía bà H cho rằng đóng lãi đầy đủ là mâu thuẫn với lời khai của bà H vì bà H thừa nhận 90.000.000 đồng là tiền lãi chưa đóng của bốn khoản vốn vay, do bà H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh đã đóng lãi đầy đủ

12%/tháng nên không được chấp nhận. Theo lời khai của bà T thì tiền lãi bà H đã đóng cho các khoản vay trên với tổng số tiền 26.400.000 đồng. Nếu tính theo lãi suất pháp luật quy định từ thời điểm vay đến nay thì số tiền nhiều hơn 26.400.000 đồng, cho nên không phải đối trừ vào khoản vốn vay. Do bà T không yêu cầu đặt ra về tính lãi suất nên không xem xét.

Tiền hội ngày:

Bà T khai: Bà H tham gia tổng số 28 dây, với 2800 chung hội ngày, mỗi dây có 1000 chung hội (100 ngày mãn hội), loại hội 20.000 đồng/ngày, hội bỏ thăm lãi 5000 đồng/chung. Cụ thể:

- Hội khai ngày 10/12/2016 âm lịch; bà H tham gia 07 dây và hốt hết 07 dây hội x 1.000 chung x 15.000 đồng/chung = 105.000.000 đồng. Sau khi hốt thì bà H đóng được 35 ngày x 1.400.000 đồng/ngày (vì 07 dây hội) = 49.000.000 đồng. Tính đến mãn hội bà H nợ 65 ngày x 1.400.000 đồng/ngày (20.000 đồng x 07 dây x 10 chung/dây = 1.400.000 đồng) = **91.000.000 đồng**.

Dây hội này mãn ngày 20/3/2017 âm lịch.

- Hội khai ngày 25/11/2016 âm lịch, Bà H tham gia 08 dây và hốt hết 08 dây: 08 dây x 1.000 chung x 15.000 đồng/chung = 120.000.000 đồng. Sau khi hốt hội đã đóng hội chết được 50 ngày x 1.600.000 đồng/ngày = **80.000.000 đồng**.

Bà H còn nợ hội chết 50 ngày x 800 chung x 20.000 đồng/chung = 80.000.000 đồng.

Dây hội này mãn ngày 05/3/2017 âm lịch.

- Hội khai ngày 15/01/2017, bà H vô 13 dây. Bà H hốt với tổng số hội là 13 dây x 1.000 chung x 15.000 đồng/chung = 195.000.000 đồng.

Sau khi hốt hội bà H không đóng 01 chung hội chết nào cả, nên nợ lại số tiền hội chết: 1300 chung x 100 ngày x 20.000 đồng/chung = **260.000.000 đồng**.

Hội mãn vào ngày 25/5/2017 âm lịch.

Tổng số tiền hội ngày bà H nợ: 91.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 260.000.000 đồng = **431.000.000 đồng**.

Phía bà H thừa nhận có tham gia hội ngày và số tiền hội chết phải đóng như bà T khai là đúng, nhưng hội mẫn và bà H đã đóng hội chết đầy đủ, nên không đồng ý thanh toán.

Qua ý kiến của bà H về việc không đồng ý thanh toán tiền hội ngày với lý do đã đóng đủ là không có cơ sở với những lý do:

Thứ nhất, bà H có viết giấy thể hiện nội dung hốt các dây hội ngày, bà H thừa nhận có nợ số tiền hội chết như bà T khai nhưng không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh đã đóng đủ số tiền hội chết (hội ngày) cho bà T.

Thứ hai, các dây hội mẫn ngày 05/3/2017 âm lịch; 20/3/2017 âm lịch và ngày 25/5/2017 âm lịch (**ngày 19/6/2017 dương lịch**). Thời điểm này bà T và bà H đã xảy ra tranh chấp (hội chưa mẫn đã tranh chấp), vì bà T gửi đơn yêu cầu đến Tổ hòa giải áp thời gian lâu, đến ngày 22/5/2017 dương lịch áp tổ chức hòa giải (áp hòa giải trước khi hội ngày mẫn), do vậy việc bà H khai đã đóng đủ hội chết đến khi mẫn hội là không thực tế.

Thứ ba, tại phiên hòa giải áp ngày 22/5/2017, tất cả thành viên tổ hòa giải đều xác nhận là bà H thừa nhận nợ bà T số tiền 1.220.000.000 đồng. Như vậy, trong số tiền này có khoản hội ngày 431.000.000 đồng.

Từ những phân tích này, không có cơ sở xác định bà H đã đóng hội ngày. Vì vậy, buộc bà H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền hội ngày là 431.000.000 đồng.

Tổng các khoản tiền buộc bà H phải thanh toán cho bà T là 1.075.000.000 đồng.

Trách nhiệm thanh toán nợ: Ông H xác nhận thường vắng nhà vì đi làm việc cả ngày, nên mọi công việc gia đình do bà H quán xuyến, lo liệu, nên việc giao dịch của H thì ông H không nắm được. Bà H trình bày hốt hội, vay tiền mục đích để đầu tư thêm vào việc mua bán tạp hóa của gia đình. Bà H xác định bà là người trực tiếp mua bán, lo liệu gia đình. Nhận thấy, bà H tham gia hội, vay tiền của bà T diễn ra trong thời gian dài, việc bà H hốt hội, vay tiền không phải để sử dụng cho mục đích cá nhân riêng của bà H, mà giao dịch này diễn ra trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà H. Tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*” thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản. Việc ông

H cho rằng bà H thiếu nợ không liên quan đến ông H, lời khai của ông H không chấp nhận vì ông H không chứng minh được khoản nợ này là nợ của cá nhân bà H. Qua xác minh tại địa phương, Tòa án ghi nhận ý kiến thể hiện là bà H, ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Căn cứ vào nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên buộc ông H, bà H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà T tổng số tiền 1.075.000.000 đồng.

Đối với ông Huỳnh Văn T và Huỳnh Hồng D không liên quan đến tranh chấp giữa bà T với vợ chồng bà H; trong vụ án này cũng không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông T, của Huỳnh Hồng D, hai đương sự này không có yêu cầu nào đặt ra, nên Hội đồng xét xử không xem xét khi đương sự không yêu cầu.

Ý kiến kết luận của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về nội dung vụ án là có căn cứ pháp luật được chấp nhận toàn bộ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vợ chồng bà H, ông H phải chịu 44.250.000 đồng. Vợ chồng bà H, ông H có đơn xin giảm án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T nên được giảm một phần, nộp một phần là 22.125.000 đồng.

Bà T được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Văn T và Huỳnh Hồng D.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 471 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hồng T về khoản nợ hụi, vay với số tiền 145.000.000 đồng.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Hồng T về việc khởi kiện đối với vợ chồng ông Phạm Ngọc H, bà Nguyễn Thị Thúy H.

Buộc vợ chồng ông H, bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T tổng số tiền hui chết, tiền vay vốn là 1.075.000.000 đồng (*một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), trong đó: Tiền hui tháng 279.000.000 đồng, hui ngày 431.000.000 đồng, tiền vay vốn là 365.000.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp vợ chồng ông H bà H chậm thanh toán số tiền cho bà T, thì ông H bà H phải có trách nhiệm liên đới chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự có giá ngạch vợ chồng bà H, ông H phải liên đới chịu số tiền 44.250.000 đồng. Vợ chồng bà H, ông H có đơn xin giảm án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện N nên được giảm một phần, nộp một phần là 22.125.000 đồng.

Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 12.300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015463 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

